

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : L0671010 - Quy hoạch tuyến tính
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0)
Năm học : 2013-2014
Lần thi : 1
Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	LÊ THỊ THÚY	KIỀU	3610201062	08/08/1981	5,00	3,00	3,60	
2	HOÀNG THỊ	YẾN	3610201081	13/06/1990	5,00	3,00	3,60	
3	ĐẶNG THỊ NGỌC	THẨM	3610201082	19/11/1988	5,00	5,00	5,00	
4	VŨ THỊ THU	TRANG	3610201108	16/10/1990	2,00	4,00	3,40	
5	KIM THỊ SỎ	KHUM	3610201144	1986	5,00	5,00	5,00	
6	LÂM QUỲNH TRÚC	MAI	3610201145	29/03/1988	6,00	5,00	5,30	
7	PHAN THỊ	HUẾ	3610201162	06/09/1988	5,00	5,00	5,00	
8	Huỳnh Văn	Trang	3710301011	16/05/1989	9,00	3,00	4,80	
9	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	3710301013	31/01/1991	9,00	3,00	4,80	
10	Vũ Thị	Linh	3710301014	12/08/1990	9,00	1,00	3,40	
11	Nguyễn Thị Trúc	Hạnh	3710301025	09/02/1991	6,00	6,00	6,00	
12	Phạm Thế	Dũng	3710301026	23/04/1991	5,00	3,00	3,60	
13	Đoàn Thị Kim	Thái	3710301029	26/12/1991	9,00	7,00	7,60	
14	Ngô Thị Bích	Trâm	3710301031	01/02/1991	9,00	2,00	4,10	
15	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	3710301038	28/06/1985	6,00	4,00	4,60	
16	Lê Thị	Thắm	3710301044	10/08/1986	,00			
17	Hà Thị Hồng	Vân	3710301045	11/10/1992	6,00	6,00	6,00	
18	Đặng Thị	Linh	3710301055	28/08/1991	6,00	5,00	5,30	
19	Kiều Thị Mỹ	Phượng	3710301067	20/09/1988	6,00	6,00	6,00	
20	Phạm Thu	Hà	3710301070	06/12/1992	6,00	5,00	5,30	
21	Phan Công	Chức	3710301078	09/02/1986	8,00	6,00	6,60	
22	Nguyễn Trương Hoàng	Thái	3710301080	12/08/1989	9,00	8,00	8,30	
23	Phạm Thị	Út	3710301082	20/06/1992	6,00	5,00	5,30	
24	Trần Thị	Nhị	3710301083	14/06/1992	6,00	5,00	5,30	
25	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	3710301090	09/03/1989	,00			
26	Thái Thị	Bắc	3710301095	14/10/1991	9,00	9,00	9,00	
27	Trần Thị Kim	Thu	3710301097	17/09/1987	10,00	9,00	9,30	
28	Võ Thị Như	Trang	3710301098	30/07/1986	,00			
29	Hồ Tấn	Lợi	3710301101	30/06/1992	5,00	8,00	7,10	
30	Trần Thị Diệu	Hiền	3710301109	17/05/1990	9,00	7,00	7,60	
31	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	3710301110	06/04/1990	5,00	3,00	3,60	
32	Nguyễn Ngọc Kim	Cúc	3710301120	10/06/1990	2,00	3,00	2,70	
33	Bùi Kim	Yến	3710301132	20/04/1991	4,00	,00	1,20	
34	Đỗ Thị	Thắm	3710301135	24/09/1992	9,00	5,00	6,20	
35	Nguyễn Thị Xuân	Hương	3710301139	05/09/1987	5,00	7,00	6,40	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lữ Thị	Hường	3710301141	06/11/1990	9,00	2,00	4,10	
37	Lê Thị Kim	Uyên	3710301146	17/07/1987	8,00	3,00	4,50	
38	Lê Thị Ngọc	Trần	3710301147	04/05/1990	9,00	2,00	4,10	
39	Đàm Thị Ánh	Nguyệt	3710301148	13/10/1987	5,00	2,00	2,90	
40	Lê Minh	Tiến	3710301153	19/08/1988	2,00	4,00	3,40	
41	Lê Thị Châu	Ngọc	3710301154	25/03/1989	6,00	4,00	4,60	
42	Lương Văn	Viễn	3710301155	03/08/1982	5,00	3,00	3,60	
43	Vũ Thị	Hương	3710301156	02/06/1992	9,00	8,00	8,30	
44	Đỗ Thị Cẩm	Ngân	3710301157	26/08/1991	6,00	5,00	5,30	
45	Huỳnh Thuỳ	Dương	3710301159	06/04/1990	,00			
46	Hoàng Thị	Chung	3710301162	09/06/1991	7,00	4,00	4,90	
47	Trần Thị Mỹ	Hiền	3710301163	04/12/1991	5,00	5,00	5,00	
48	Đỗ Phan Anh	Việt	3710301164	24/01/1991	9,00	3,00	4,80	
49	Nguyễn Ngọc	Như	3710301169	15/12/1991	3,00	1,00	1,60	
50	Đào Thị	Hồng	3710301171	19/07/1990	5,00	5,00	5,00	
51	Hồ Thị	Hoa	3710301176	06/06/1991	6,00	2,00	3,20	
52	Nguyễn Trường	Thành	3710301181	10/11/1988	5,00	5,00	5,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)